

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 67/2025/TLST-VHNGĐ ngày 23/4/2025 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Anh Lê Xuân Đ, sinh năm 1991; địa chỉ: Khu phố A, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

- Chị Đoàn Thị Thanh X, sinh năm 1997; địa chỉ: Khu phố A, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

(1) *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Lê Xuân Đ (anh Đ) và chị Đoàn Thị Thanh X (chị X) đăng ký kết hôn vào ngày 04/5/2022 tại U, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị trên cơ sở tình yêu tự nguyện của hai bên. Quá trình chung sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống không hợp nhau. Hiện nay, anh Đ, chị X không còn chung sống với nhau, mỗi bên tự lo toan cuộc sống của mình. Anh Đ, chị X yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, anh Đ, chị X thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn hôn nhân giữa hai bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đ, chị X.

(2) *Về con chung*: Vợ chồng anh Đ, chị X có 01 người con chung là cháu: Lê Xuân M, sinh ngày 06/8/2023.

Khi ly hôn, anh Đ, chị X thỏa thuận giao cho chị X được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Xuân M, sinh ngày 06/8/2023.

Anh Lê Xuân Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng (cháu Lê Xuân M), với mức 2.000.000 đồng/tháng (*Hai triệu đồng trên tháng*) kể từ tháng 6 năm 2025 đến khi cháu Mạnh thành N và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

(3) *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh Đ, chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

(4) *Về lệ phí Tòa án*: Anh Đ, chị X thỏa thuận chịu 300.000 đồng lệ phí việc hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Xuân Đ và chị Đoàn Thị Thanh X thuận tình ly hôn.

Giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận kết hôn số: 55 do U, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, cấp ngày 04/5/2022, chấm dứt kể từ ngày ban hành quyết định này (ngày 20/5/2025).

1.2 Về con chung: Giao cho chị Đoàn Thị Thanh X được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Xuân M, sinh ngày 06/8/2023.

Anh Lê Xuân Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng (cháu Lê Xuân M), với mức 2.000.000 đồng/tháng (*Hai triệu đồng trên tháng*) kể từ tháng 6 năm 2025 đến khi cháu Mạnh thành N và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Sau khi ly hôn, anh Lê Xuân Đ có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Xuân Đ và chị Đoàn Thị Thanh X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Xuân Đ và chị Đoàn Thị Thanh X phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) lệ phí hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000056 ngày 22/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị (Anh Lê Xuân Đ và chị Đoàn Thị Thanh X đã nộp đủ lệ phí).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Đông Hà;
- Chi cục THADS thành phố Đông Hà;
- UBND Phường 5, TP Đông Hà;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tập dán án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Huyền